

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2020/QĐST-HNGĐ

KS, ngày 03 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Mai Thị B**, sinh năm: 1984

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã S, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

Tạm trú: Thôn N, xã V, TP NT, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh **Nguyễn M** - sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mai Thị B và anh Nguyễn M tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 05/12/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng anh, chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hòa giải được, anh M hay đi nhậu không chăm lo đến vợ con, chị B sống không chung thủy có quan hệ tình cảm với người khác. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng anh, chị đã sống ly thân và không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, nay chị B và anh M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa,

mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Bé và anh M đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy chị B và anh M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng anh, chị.

[2] *Về con chung*: Chị Mai Thị B và anh Nguyễn M có 03 con chung là cháu Nguyễn P - sinh ngày 17/4/2002, cháu Nguyễn T - sinh ngày 06/5/2004 và cháu Nguyễn Ý N - sinh ngày 20/8/2007; Chị Mai Thị B và anh Nguyễn M thỏa thuận như sau: Anh Nguyễn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn T và cháu Nguyễn Ý N; chị Mai Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn P - sinh ngày 17/4/2002 đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần; anh M và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] *Về tài sản chung*: Chị Mai Thị B và anh Nguyễn M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Các khoản nợ chung: Không có.

[4] *Về lệ phí*: Chị Mai Thị B và anh Nguyễn M mỗi người nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con” theo quy định của pháp luật.

- *Về các vấn đề khác*: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mai Thị B và anh Nguyễn M thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn T - sinh ngày 06/5/2004 và cháu Nguyễn Ý N - sinh ngày 20/8/2007; chị Mai Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung*: Chị Mai Thị B và anh Nguyễn M không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2]. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Mai Thị B và anh Nguyễn M mỗi người nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị B và anh M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2019/0000308 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. Chị Mai Thị B và anh Nguyễn M đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- Chi cục THADS huyện KS;
- UBND xã S, huyện KS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TRƯỜNG VĂN VƯƠNG